

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA HUYỀN NGHĨA

QUYỂN 10 (THƯỢNG)

Chương lớn thứ năm: Giải thích về tướng giáo: nếu hoằng truyền kinh khác không có nêu ra tướng giáo thì ở trong nghĩa không có tổn hại. Nếu hoằng truyền Pháp Hoa mà không nêu ra giáo thì văn nghĩa có sự khiếm khuyết. Tuy nhiên ý Thánh sâu xa kín đáo, giáo pháp lại càng khó hiểu, thời đại trước các sư hoặc tổ kế thừa mệnh danh là bậc tài trí, hoặc tư duy phán quyết những ý thần diệu mặc dù lý luận xuyên suốt dọc ngang nhưng chẳng biết ai đúng! Tuy nhiên nghĩa không song song lập nên lý không có hai thứ tồn tại. Nếu sâu xa xó cớ sở lại hợp với Tu-đa-la thì sao chép ra mà dùng nó. Nếu không có văn và nghĩa thì không thể tin nhận được. Đại Sư Nam Nhạc là người có tâm chứng ngộ lại xét kỹ kinh luận giống nhau nên thấu đạt được lời nói của Phật. Ngài Thiên Thai thuật lại rồi theo đó mà sử dụng nên lược phân rõ giáo làm năm phần: 1. Đại ý; 2. Giải thích khác biệt; 3. Hiểu; 4. Bỏ và nhận lấy; 5. Phán quyết giáo.

Đại ý nghĩa là Phật đối với “không danh tướng” mà giả nói có danh tướng. Nói kin điển khác mỗi bộ đều hướng đến duyên giữ lấy lợi ích, cho đến như Hoa Nghiêm, ban đầu hợp với căn cơ “viên, biệt”. Do đó mặt trời chiếu trước ở trên núi cao thẳng nêu rõ pháp “thứ tự và không có thứ tự”, tu hành trụ ở công đức của Địa thượng mà không biện rõ ý Như Lai thuyết Đốn giáo. Hoặc bốn bộ A-hàm: thì Tăng nhất nói rõ nhân quả của Trời người, Trung A hàm nêu rõ nghĩa chơn thật, vắng lặng sâu xa. Tạp A hàm nêu ra các Thiên định, phần lớn phá ngoại đạo mà đều thông suốt nói vô thường, biết khổ đoạn tập, chứng diệt và tu Đạo mà không nói rõ ý Như Lai khéo léo thiết lập giáo tiểu thừa. Hoặc các kinh Phương Đẳng phá bỏ tiểu thừa khiến trách thiên lệch, khen ngợi đại thừa viên mãn, từ bi, hạnh nguyện, sự lý rất tuyệt mà không

nêu ra ý “đều đối với sự khen ngợi, quở trách”. Hoặc như Bát-nhã, luận thông suốt thì ba hạng người đồng nhập vào, còn luận riêng thì chỉ có Bồ-tát tiến đến, rộng trải qua ấm nhập, hết thấy đều, thanh tịnh rộng suốt mà cũng không nói rõ ý chung và riêng. Hoặc như Niết-bàn ở sau cùng chỉ tóm lược chê trách ba thừa tu hành. Nếu trải qua năm vị giáo thì cũng không nói hết ý Như Lai sắp xếp giáo nguyên thủy đến tổng kết cuối cùng trọng yếu. Các kinh này đều là phù hợp với ý chúng sanh lãnh hội, khiến cho được lợi ích, mà không nêu rõ ý của Phật và ý thú tại sao như thế? Kinh này không phải như vậy, đối với các cương mục của pháp môn như pháp quán đại thừa, tiểu thừa, Thập Lực, Vô úy đủ loại quy tắc... đều không luận đến vì các kinh trước đã nói, mà chỉ luận Như Lai ban bố giáo từ nguyên thủy đến khoảng giữa lấy, cho Tiệm Đốn thích hợp thời. Đại sự nhân duyên cuối cùng xong, nói cương lĩnh của giáo chính là nói đến cương lĩnh giáo hóa của đại thừa. Người do xưa kia đã gieo trồng nhân duyên sâu dày thì Phật bắt đầu tức liền nói Đốn, cho sự thẳng thắn nêu ra công đức hành vị của Bồ-tát, nói chẳng liên quan đến tiểu thừa. Văn kinh nói “mới thấy thân Ta, nghe Ta nói liền tin nhận mà nhập vào trí tuệ của Như Lai” đối với người không kham nhận nổi thì Phật ẩn giấu vô lượng thần đức của mình, dùng pháp của người nghèo ưa thích phương tiện gần gũi vỗ về bảo: “siêng làm”. Văn kinh nói “nếu Ta chỉ khen ngợi Phật thừa thì chúng sanh chìm trong khổ não” tức như hạng người này nên dùng pháp này khiến dần dần nhập vào trí tuệ của Phật. Đối với người đã được đạo rồi thì phải nên chê trách tức như Phương Đẳng dùng đại thừa để phá tiểu thừa. Văn kinh nói “Khổ thật! Trách bạn rồi lại chỉ rõ nên lấy châu đã buộc trong áo lót ra tiêu dùng”. Nếu thích nghi thông suốt cả bán, mãn giáo đều phải bỏ thì như Đại Phẩm trừ bỏ rộng việc chấp tướng, hội nhập vào tông của mình. Văn kinh nói “sẽ dẫn chúng như muốn qua con đường hiểm, đã qua hiểm nạn ấy rồi”, hay “quyết định đó là cha con” mà giao phó gia nghiệp” tức là bỏ “quyền tích” để hiển bày Bản môn thật. Do vậy nên biết kinh này chỉ luận về Như Lai thiết lập nên cương lĩnh giáo đại thừa mà không nói hết các cương mục nhỏ nhặt. Ví như người làm tính đầu tiên tính số nhỏ sau đó trừ đi rồi ghi số lớn chứ không còn đầu và học. Cho nên, kinh Vô lượng nghĩa nói “vô lượng nghĩa là từ một pháp mà sanh ra” tức “ở trong một Phật thừa mà phân biệt nói thành ba”. Đây là dụ cho phép tính số nhỏ. Nếu gom vô lượng nhập vào một thì chính là gom ba thừa quy về đại thừa tức dụ cho tính trừ đi sau đó mà chỉ ghi nhận số lớn! Ý như vậy v.v... đều là địa Pháp thân vắng lặng mà

thường chiếu, chẳng phải “mới ở đạo thọ mà hợp với tiểu thừa và đại thừa”. Nên biết trí của Phật chiếu soi các căn cơ đã từ lâu xa. Văn kinh nói “vì một sự nhân duyên lớn mà xuất hiện ở đời” tức là trí chiếu soi đại thừa từ lâu. Văn kinh nói “ân cần khen ngợi phương tiện” tức là trí chiếu soi căn cơ tiểu thừa có từ lâu. Văn kinh nói “pháp của chư Phật lâu sau chủ yếu nói chơn thật” tức là trí chiếu soi gom tiểu thừa quy về đại thừa đã có từ lâu. Trong phẩm Tín Giải nói “ngồi trên tòa sư tử mà thấy con bèn nhớ biết” tức nói lên trí ban đầu soi thấy căn cơ đại thừa đã từ lâu. “Ở trong song cửa, xa thấy con mình” tức là soi thấy căn cơ tiểu thừa đã từ lâu. “Mật sai hai người... phương tiện gần gũi mà bảo: ráng siêng làm” tức là soi thấy cần phải khai mở ba thừa đã từ lâu. “Tâm, tướng, thể, tin ra vào không khó” tức là đã soi thấy sự điều phục và bác bỏ từ lâu. “Lãnh biết các vật” tức là đã soi thấy sự đào thải từ lâu. “Sau giao phó gia nghiệp” tức là đã soi thấy giáo hành v.v... từ lâu. Nên biết, ý của Phật sâu xa ngay cả Di Lặc còn không biết “nhân duyên gì” hướng hồ là địa dưới và hàng nhị thừa phàm phu v.v...? Do đó văn kinh nói “chỉ có Ta biết tướng ấy và mười phương Phật cũng vậy”. Lại nữa, sự việc đã nói và nay đương nói rất là “khó tin khó hiểu”. Kinh trước là đã nói nhưng tùy theo ý của chúng nghe nhưng các kinh kia không nói rõ ý này nên dễ tin dễ hiểu. Vô lượng nghĩa là nay nói cũng là tùy vào ý chúng nghe nên cũng dễ tin dễ hiểu. Niết-bàn là sẽ nói và trước đã nghe nên cũng dễ tin dễ hiểu. Sắp sửa nói giáo này nhưng nghi ngờ thỉnh cầu trùng điệp như hai văn của Tích môn và Bản môn. Khi Phật thọ nhận lời thỉnh cầu chỉ là nói ý giáo. Ý giáo là ý Phật và ý Phật là trí tuệ của Phật. Trí tuệ của Phật quá thâm sâu cho nên mới có ba lần dừng và bốn lần thỉnh cầu. Như sự gian nan này mà so sánh với kinh khác thì kinh khác là dễ. Nếu mới ngồi ở đạo tràng mà Phạm Vương đến thỉnh thì chỉ nói thẳng: “Thỉnh Phật chuyển pháp luân” không có nghi ngờ, trở đi trở lại ân cần, nói các Phương đẳng v.v... thì xem văn có thể biết. Khi Phật nói Đại Phẩm vẫn là đáp lại lời thỉnh của Phạm Vương. Chỉ trong Hoa Nghiêm thỉnh Kim Cang Tạng có thể là loại (chúng) liên quan, mà các Luận sư đời nay thiên lệch chấp trước cho rằng là thêm, đối với Pháp Hoa mà nói tiểu thừa là chính dẫn đến thỉnh Phật nói, không đề cập đến Bồ-tát. Ý kiến này chỉ thiên về một bên. Thân Tử xét thấy tâm của hội chúng mà nói: “con từ miệng Phật mà sanh ra... chấp tay chiêm ngưỡng, khát khao chờ đợi, các Bồ-tát cầu Phật nói số nhiều tám vạn đều muốn nghe đạo đầy đủ” đâu chỉ là một tiểu thừa? Lại nữa. Di Lặc quán sát khắp chúng mà cầu Văn Thù giải

quyết lòng nghi thì cùng với Giải Thoát Nguyệt Kim Cang Tạng dường như là có khác! Trong Bản môn, Bồ-tát thỉnh Phật thuyết pháp của Phật há lại so sánh Bồ-tát thỉnh Bồ-tát nói pháp của Bồ-tát ! Nếu căn cứ nghĩa này như ý ở kia nói có thêm thì Kinh Hoa Nghiêm liệt kê chúng ở mười phương vân tập đến đều là Phật Lô Xá Na là tri thức của quá khứ. Kinh này nói Bồ-tát từ dưới đất vọt lên tụ tập đến đều thuận theo đức Thích Tôn đã phát tâm là “do Ta hóa độ”. Một sự so sánh như đây xem qua thì thấy bằng nhau, nhưng không thể không có thừa thớt, dày kín (hơn kém). Lại nữa kinh kia nêu ra mười phương Phật nói Hoa Nghiêm người được thêm đồng tên gọi Pháp Tuệ, Kim Cang Tạng, không thể nói v.v... Phật kia là phân thân của Lô Xá Na, Kinh Pháp Hoa nay nói rõ “ruộng đất ba lần biến chuyển, một phương đều có bốn trăm vạn ức Na-do-tha cõi nước, chư Phật đầy khắp trong đây đều là phân thân của đức Thích Ca”. Như vậy ý Kinh này khác với Kinh kia. Tóm lại, ý kiến trên lấy Hoa Nghiêm làm hơn rồi lại nêu ra một, hai câu, mà chẳng phải cố đề cao Kinh này, chê Kinh khác. Nếu đem so sánh sự hơn kém, sợ trở thành làm mất ý chỉ, chỉ là kinh Pháp Hoa đây khai mở quyền để hiển bày Bản môn với hai văn trước sau nghi nhiều, thỉnh càng nhiều hơn không thể so sánh với các kinh khác. Chỉ vì luận sâu vào giáo của Phật, lời thuyết diệu và tâm của Thánh nói gần là hội tụ nhân viên còn xa thì trình bày quả căn Bản môn, do vậy mà nghi và thỉnh không thôi. Nếu có thể biết rõ tướng giáo thì biết hai trí quyền và thật của Như Lai. Ý giáo rất sâu sắc nhưng ở đây lược nói như vậy.

- Nêu ra các cách giải thích khác nhau được phân làm mười ý: quan điểm phía Bắc có bảy ý và phía Nam có ba ý. Tuy nhiên, cả Nam lẫn Bắc đều thông dụng ba loại “tướng giáo”: 1. Đốn; 2. Tiệm; 3. Bất định. Hoa Nghiêm vì giáo hóa Bồ-tát như mặt trời chiếu soi trên núi cao nên gọi là “Đốn giáo”. Tam tạng vì giáo hóa tiểu thừa mà trước hết dạy “nửa chữ” cho nên gọi là “giáo hữu tướng”. Sau mười hai năm vì người đại thừa mà nói năm thời Bát-Nhã cho đến thường trụ nên gọi là “giáo vô tướng”. Những thời này đều là “Tiệm giáo”. Riêng có một kinh không thuộc về Đốn giáo và Tiệm giáo mà nêu ra “Phật tánh thường trụ” như Thắng Man, Quang Minh v.v... Đây gọi là “giáo bất định”. Ba ý này hãy hết các chỗ đều cùng sử dụng đến.

1. Ngập Pháp sư ở Hồ Khâu sơn đã trình bày “Đốn giáo” và “giáo bất định” không khác lạ với các cựu luận sư trước, riêng “Tiệm giáo” lại phân làm ba giai đoạn: Trước đó, mười hai năm nói rõ Tam tạng giáo do thấy “có” mà đặc đạo cho nên gọi là “giáo hữu tướng”, sau mười hai

năm ngang đến Pháp Hoa nêu ra thấy “không” mà đặc đạo cho nên gọi là “giáo vô tướng”, sau cùng ở tại rừng Song thọ nêu ra “Phật tánh của tất cả chúng sanh và Xiển đề cùng thành Phật” để nói rõ “giáo thường trụ”.

2. Pháp sư Tông Ái nói rõ “Đốn giáo” và “bất định giáo” đồng như trước. Căn cứ ở Tiệm giáo lại phán định làm bốn thời giáo tương tự chỗ dùng ba thời không khác trước của pháp sư Trang Nghiêm lại sau Vô tướng giáo cho đến trước Thường trụ giáo chỉ rõ Pháp Hoa hội ba thừa trở về một thừa, vạn thiên thấy đều hướng đến Bồ-đề gọi là “giáo đồng quy”.

3. Thiên sư Định Lâm, Nhu Thứ và pháp sư Đạo Tràn Quán nêu ra “giáo Đốn ngộ và “giáo bất định” đồng như trước, lại phán định “Tiệm giáo” làm năm thời giáo, giống như ngài Khai Thiện Quang Trạch đã dùng. Đây chính là nói lên bốn thời giáo không khác trước nhưng ước định ở sau “vô tướng” trước đồng quy mà chỉ ra Tịnh Danh, Tư Ích và các kinh Phương Đẳng là giáo khen rộng, chê hẹp .

4. Bắc Địa Thiên sư cũng đưa ra năm thời giáo nhưng giữ lấy “Đề-vị-ba-lợi” làm giáo của trời người, kết hợp Tịnh Danh, Bát-nhã làm: Giáo vô tướng”, ba giáo còn lại cũng không khác gì các sư phương Nam đưa ra.

5. Bồ-đề-lưu-chi nêu ra “bán, mãn giáo”: trước mười hai năm giáo bán tự (một nửa), đều là sau mười hai năm là giáo mãn tự.

6. Phật-đà Tam-tạng và học sĩ Quang-Thống biện luận bốn tông để phán quyết giáo: Một là Nhân duyên tông tức chỉ ra sáu nhân và bốn duyên của Tỳ-đàm; hai là Giả danh tông tức chỉ ra ba thứ giả của Thành Thật Luận; ba là Cuống tướng tông tức chỉ ra ba luận của Đại Phẩm, bốn là Thường tông tức chỉ ra Phật tánh thường trụ và “bản hữu trạm nhiên” của Niết-bàn và Hoa Nghiêm v.v...

7. Có sư khai mở “năm tông giáo “và bốn nghĩa không khác trước lại chỉ ra Hoa Nghiêm làm pháp giới tông hộ trì thân, tự làm quy tắc như đại thừa đã sử dụng.

8. Có người cho Quang, Thống nói “bốn tông có chỗ không thu nhiếp” nên khai mở làm sáu tông để chỉ ra “vạn thiện đồng quy” của Pháp Hoa “pháp của chư Phật lâu sau chủ yếu nói chơn thật” mà gọi là “chơn tông”. Đại tập thì nói nhiệm tịnh đều dung thông, pháp giới viên dung rộng khắp nên gọi là “viên tông”. Bốn tông còn lại đều như trước tức là chỗ dùng của thiên sư Kỳ-xà-lãm.

9. Bắc địa thiên sư (ở phương Bắc) nêu ra hai loại giáo của đại

thừa: đại thừa hữu tướng và đại thừa vô tướng. Hữu tướng là như Hoa Nghiêm, Anh Lạc, Đại Phẩm v.v... nói về hành tướng công đức của các bậc Thập địa; vô tướng là Lăng Già, Tư Ích nói đến chơn pháp không có nói thứ tự tất cả chúng sanh tức là tướng Niết-bàn.

10. Bắc địa Thiên sư nêu ra chẳng phải giáo của bốn tông, năm tông, sáu tông hai tướng nữa và viên mãn v.v... mà chỉ có một Phật thừa chẳng có hai, chẳng có ba. Đức Phật chỉ dùng một âm để thuyết pháp mà tùy loài khác biệt đều hiểu, chư Phật thường hành một thừa mà chúng sanh thấy ba thừa, nhưng chỉ là một âm giáo. (Nêu ra các giải thích khác xong).

- Nêu ra vấn nạn: Trước hết hỏi về năm thời giáo của phương Nam với nghĩa ấy không thành thì ba thời và bốn thời còn lại theo thông lệ cũng hoại. Nếu nói trước đó mười hai năm gọi là “giáo hữu tướng” thì luận sư của Thành Thật tự lừa dối luận thuyết của mình. Luận nói “Tôi nay chính muốn nêu ra thật nghĩa ở trong Tam tạng thật nghĩa ấy chính là “không”. Vậy, Không ấy chẳng phải “vô tướng” sao? Tam tạng chẳng phải trước mười hai năm đó u! Lại nữa, Trung A Hàm nói: “già chết ấy và ai già chết” cả hai đều là tà kiến. Không có “già, chết ấy” tức là “pháp không” còn không có “ai già, chết” tức là “sanh không”. Trong Kinh của Tam tạng tự nói hai thứ “không” thì “hai thứ không” này há chẳng phải “vô tướng” sao? Lại nữa Thích Luận nói “trong Tam tạng nêu ra pháp không làm “đại không”, trong Ma-ha diển nêu ra mười phương không làm “đại không” tức lấy pháp không làm “đại không” tức “vô tướng” của đại thừa. Lại nữa, đức Phật thành đạo được sáu năm liền nói kinh Ưng Quạt Ma La để nêu rõ cái không rất thiết thực thì đây chẳng phải vô tướng thì ai là vô tướng! v.v... Lại nữa, Đại Luận nói “từ đêm đắc đạo cho đến đêm nhập Niết-bàn thường nói Bát-nhã” thì Bát-nhã tức là “tuệ không”. Lại nữa, trước đó mười hai năm gọi là “giáo hữu tướng” vì đắc đạo hoặc không đắc đạo? Nếu đắc đạo thì trái với Thành Luận. Luận sư nói “Từ đấng hữu tướng là phương tiện điều phục tâm chứ thật không đắc đạo, nên phải thấy “không bình đẳng” mới có thể đắc đạo”. Như vậy đã nói “hữu tướng” thì sao bỗng nhiên đắc đạo? Nếu không đắc đạo mà sử dụng giáo này mục đích làm gì? Và năm anh em Câu Lân ban đầu ở trong Phật pháp vắng lặng không có “âm thanh” vẫn tự mà đạt được tri kiến chơn thật. Vậy Phật nói ban đầu ấy há chẳng phải trước mười hai năm kia Phật đã đắc đạo rồi ư? Lại trở thành, nếu đắc đạo thì giáo đồng với vô tướng còn nếu không đắc đạo thì giáo đồng với tà thuyết! Lại nữa, nếu đắc đạo thì những đạo nào?

Nếu thấy “không” mà đắc đạo thì trở lại đồng với “vô tướng”. Nếu không thấy “không” mà đắc đạo thì cũng như đồng với chín mươi lăm loại tà kiến chứ chẳng phải đạt được Phật đạo. Cho nên nói “giáo hữu tướng” có đủ hai lỗi v.v...

Thứ hai vấn nạn về sau mười hai năm gọi là “giáo vô tướng” tức nói rõ “Không” rửa sạch các tướng nêu mà chưa nêu ra Phật tánh thường trụ tức vẫn còn là vô thường. Suốt tám mươi năm, đức Phật cũng không gom ba thừa quy về một thừa, cũng không có quở trách khen chê thì điều này không thể hiểu. Nếu nói “vô tướng” thì ý gì không rửa sạch quét trừ vô thường? Vẫn còn vô thường thì sao gọi là “vô tướng”. Nếu nói không có nêu ra Pháp thân Phật tánh thường trụ thì công Bát-nhã có thể chẳng phải Pháp thân, Phật tánh thường trú v.v... còn “Bất công Bất-nhã” thì sao chẳng phải Phật tánh? Đại kinh nói “Phật tánh có năm tên gọi trong đó cũng gọi là Thủ Lăng Nghiêm, cũng gọi là Bát-nhã”. Nếu Bát-nhã là tên gọi khác của Phật tánh thì sao nói chẳng phải? Luận kia liền bào chữa: Kinh gọi “Phật tánh”, cũng gọi Bát-nhã là vì Bát-nhã của ba đức, đây có liên quan gì đến Bát-nhã của vô tướng? Nếu như vậy thì phẩm thứ tám của kinh Niết-bàn, ý gì lại nói “như Ta trước hết ở trong Ma-ha-Bát-nhã mà nói “Ngã” và Vô tánh ngã của nó chẳng là hai”; tánh của chẳng là hai (bất nhị) chính là Thật tánh, tánh của Thật tánh chính là Phật tánh. Nếu như đây thì đã xa chỉ ra văn rõ ràng, vậy ý gì nói chẳng phải? Lại nữa, Phật tánh Niết-bàn là pháp tánh thường trụ không thể biến đổi. Bát-nhã nêu ra Thật tế của Thật tướng không đi không đến tức là Phật Không có Sanh, Pháp, Không có Sanh, Pháp tức là Phật, vậy hai nghĩa ấy đâu có gì khác! Cho nên biết Thật tướng hay pháp tánh đều chính là chánh nhân Phật tánh, Quán chiếu Bát-nhã là Liễu nhân Phật tánh, công đức của năm độ hỗ trợ phát khởi Bát-nhã là “Duyên nhân Phật tánh. Vậy ba Bát-nhã này và ba Phật tánh của Niết-bàn lại có gì khác biệt ư? Luận Kim Cang Bát-nhã nói “phước không đưa đến Bồ-đề có hai khả năng đưa đến Bồ-đề: ở pháp (kinh) khác gọi là Sanh nhân, ở Thật tướng gọi là Liễu nhân. “Thật tướng liễu nhân có khả năng đưa đến Bồ-đề há chẳng phải Phật tánh! Đó chỉ là tên gọi khác mà nghĩa đồng, như trước đã phân biệt. Đâu thể chấp nhận “Thích-đề-ba-na” mà nói “chẳng phải Đấng Thích? Luận kia nhầm lẫn khác nào như đây. Nếu nói tám mươi năm Phật nói là vô thường chẳng phải Phật tánh thường trụ, Kinh Niết-bàn cũng nói “tám mươi năm Phật cũng có tật bệnh thống khổ, thì ở trong rừng Sa-la Phật nhập diệt thì sao bỗng nhiên luận bàn Thường biện minh về tánh! v.v... Thích Luận nói

“Phật có sanh thân và Pháp thân. Sanh thân thì đồng với pháp của mọi người cũng có lạnh, nóng, bệnh hoạn, ăn lúa ngựa, xin sữa uống. Pháp thân Phật với ánh quang minh vô biên, sắc tướng vô biên, thân đặc biệt tối tôn giống như hư không vì Pháp thân Bồ-tát mà thuyết pháp. Chúng nghe pháp còn chẳng thân bị sanh tử chi phối huống hồ là Phật. Thích Luận nói “lại nữa, tuổi thọ của Sanh thân Phật tức có hạn lượng còn tuổi thọ của Pháp thân Phật tức vô lượng” vậy há có thể dùng tám mươi năm vô thường mà so sánh với Pháp thân! Trong tiểu thừa nói “Pháp thân còn không diệt như Sa di Quân Đề ưu sầu và Phật hỏi ông ta rằng: giới thân của Hòa thượng có diệt hay không? Đáp: không diệt. Cho đến tri kiến giải thoát có diệt hay không? Đáp: không diệt. Giới thân còn thế huống hồ Pháp thân. Bát-nhã mà nói vô thường! Nếu nói Bát-nhã không có gom ba thừa thì cơ sao hỏi trong phẩm Trụ rằng” các thiên tử nay chưa phát tâm Tam-Bồ-đề thì nên phải phát khởi. Nếu nhập vào chánh vị Thanh văn thì người ấy không thể phát tâm Tam Bồ-đề. Vì sao? Vì cùng với sanh tử tạo ra chướng ngại ngăn cách nhưng nếu người này phát tâm Tam Bồ-đề Ta cũng tùy hỷ. Vì sao như vậy? Vì thượng nhưn thì nên cầu pháp Vô thượng và Ta sau cùng không đoạn công đức của họ”! Nếu hàng Thanh văn không cầu pháp vô thượng thì lấy chỗ nào để tùy hỷ! Đã tùy hỷ pháp vô thượng tức có gom ba thừa lại. Nếu nói Bát-nhã không có quả trách thì sao Đại Phẩm nói “trí tuệ của hàng Nhị thừa như ánh sáng của con đom đóm; Bồ-tát một ngày học trí tuệ giống như mặt trời chiếu rọi bốn phương thiên hạ”! Lại nữa quyển mười ba nói “ví như con chó không theo nhà giàu để xin ăn, trái lại theo người làm công xin ăn!” Trong đời sau, người thiện nam thiện nữ nếu bỏ Kinh Bát-nhã thâm sâu mà vin lấy “nhánh, lá thì nên chọn lấy các Kinh nói các hành của Thanh văn và Bích chi Phật đã thích nghi”. Lại nói “thấy hình tượng xem dấu vết đều gọi là “không sáng suốt” há có quả trách lại giả vờ nói như mà cho rằng không có khen chê ư? Nếu nói Bát-nhã là thời giáo thứ hai rồi dẫn lời các Thiên tử bạch Phật” rằng: “thấy pháp luân thứ hai chuyển” thì kinh nào là không thấy pháp luân thứ hai mà chỉ nói Bát-nhã? Tịnh Danh nói “mới ngồi ở đạo thọ” đã dùng lực hàng phục ma mà được vị Cam lồ diệt, giác ngộ đạo thành tựu cho đến nói pháp: không “có” cũng không “không” thì hai cách nói tương đối này cũng phải là pháp luân thứ hai chuyển. Pháp Hoa cũng nói “xưa ở thành Ba-la-nại chuyển pháp luân Tứ đế nay lại chuyển pháp luân tối thượng”. Niết-bàn lại nói “Xưa ở thành Ba-la-nại, ban đầu chuyển pháp luân khiến tám vạn trời người đều đắc quả Tu-đà-hoàn và nay ở thành

Câu-thi-na, khi chuyển pháp luân khiến tám mươi vạn ức người đạt được Bất thoái chuyển”. Mỗi kinh đều có ý chỉ này thì cũng nên cho đó là thời pháp thứ hai cơ sao chỉ nói Bát-nhã? Nếu nói sau mười hai năm nói rõ “vô tướng” thì sao trong hai đêm thường nói Bát-nhã? Cho nên biết lỗi của vô tướng cũng có rất nhiều v.v...

Kế đến vấn nạn về “giáo khen chê” là thời thứ ba. Tỳ “bảy trăm A-tăng-kỳ vẫn là vô thường, không nêu ra thường trụ, mà chỉ là quả trách để khen ngợi xiển dương mà thôi. Nay hỏi các thời Bát-nhã, các đệ tử đều chuyển giáo, thuyết pháp. Tuy không hy vọng lấy mà đều biết pháp môn của Bồ-tát là đầy đủ thì tại sao bị quả trách là mơ hồ không biết là ý nói gì? Nếu không biết thì lấy gì để đáp? Do vậy biết khen, chê không ở thời sau của Bát-nhã tức chẳng phải thời giáo thứ ba. Lại nữa, Di Lặc v.v... cũng bị khuất phục, đâu chỉ riêng hàng Thanh văn! Nếu nói “bảy trăm A-tăng-kỳ” thì điều này cũng không đúng. Văn ấy tự nói “thân Phật vô vi không rơi vào các số” thì thể của Kim Cang sao lại bệnh sao lại nã? Vì độ chúng sanh mà hiện ra sự việc ấy đó thôi”. Văn biện rõ Kim Cang nhưng mọi người lại phán quyết là bảy trăm kiến thì Niết-bàn cũng nói rõ về Kim Cang sao bỗng nhiên nói thường trụ! Lại nói “quán thân Thật tướng thì quán Phật cũng vậy” lại, giải thoát không thể nghĩ bàn có ba loại: Chơn tánh, thật tuệ và phương tiện là ba nghĩa của Phật tánh. Hơn nữa: các trần lao là hạt giống của Như Lai thì há chẳng phải là Chánh nhân Phật tánh?! Không đoan si, ái mà khởi các “minh thoát” thì “minh” là Liễu nhân Phật nói còn “thoát” là Duyên nhân Phật tánh tức ba nghĩa đã rõ ràng. Nếu phán quyết ba nghĩa này là vô thường thì ba loại Phật tánh của Niết-bàn sao được gọi là thường trụ..!

Kế tiếp vấn nạn về thời giáo thứ tư, gọi là giáo đồng quy chính là gom thu vạn thiện hội nhập vào một thừa nhưng không nêu ra Phật tánh, thần thông kéo dài tuổi thọ. Trước “vượt quá hàng sa số” và sau gặp “bội số trên” cũng không nêu ra thường trụ thì điều này không đúng như vậy. Pháp Hoa nêu ra “một loại tánh tướng sanh khởi từ một thứ đất” các pháp Phật thuyết thủy đều đạt đến địa “nhất thiết trí” mà nói “khai, thị, ngộ nhập tri kiến Phật”. Hoa Nghiêm nêu ra trí tuệ của Phật và trí tuệ của Bồ-tát vẫn còn gánh vác thì trí tuệ Bồ-tát như đất ở đầu móng tay còn trí tuệ của Như Lai như đất của mười phương. Kinh Pháp Hoa nói: “Thuần chỉ nói trí tuệ của Phật như đất ở mười phương, mà không phải thường trụ thì Hoa Nghiêm nói “đất đầu móng tay” sao nói nêu rõ “thường trụ”? Lại nữa, Hoa Nghiêm nói “mới ngồi ở đạo

tràng, ban đầu thành chánh giác tức thành Phật rất “gần” còn Pháp Hoa nêu ra thành Phật đã lâu xa và khoảng trung gian hôm nay đều là Tích môn! Các giáo trong Tích môn nói là thường trụ thì giáo bản địa há không phải là thường! Lại nữa, kinh Vô Lượng Nghĩa nói “nói biển không” của Hoa Nghiêm trải qua nhiều kiếp tu hành chưa từng tuyên nói kinh Vô Lượng Nghĩa rất thâm sâu như vậy Kinh Vô Lượng Nghĩa thâm sâu đã tự thâm sâu và kinh thâm sâu là từ Pháp Hoa dẫn ra lẽ nào không nói thường trụ! Nếu cho rằng rất ít lời nói về thường trụ thì như “một lời của thiên tử” há chẳng phải sắc lệnh ư!? Văn kinh nói “tướng thế gian thường trụ”. Lại nói “vô lượng A-tăng-kỳ kiếp với thọ mạng vô lượng thường trụ không diệt, tuổi thọ ở thành Già-da và luôn luôn thị hiện v.v... “là tuổi thọ A-tăng-kỳ của Ứng thân Phật, thọ mạng vô lượng là tuổi thọ của Báo thân Phật, thường trụ không diệt là tuổi thọ của Pháp thân Phật. Như vậy, ba Phật đều đầy đủ nghĩa thường trụ. Pháp Hoa luận nói “thị hiện ba loại Bồ-đề: 1. Bồ-đề của Báo thân Phật nghĩa là tùy chỗ thấy mà vì đó thị hiện, nên nói “ra khỏi cung họ Thích, đến thành Già-da chẳng xa mà ngồi ở đạo tràng để đạt được Tam Bồ-đề”; 2. Bồ-đề của Báo thân Phật nghĩa là mười địa viên mãn mà đạt được Niết-bàn thường hằng như văn kinh nói “Ta thực sự thành Phật đến nay đã vô lượng vô biên A-tăng kỳ kiếp; 3. Bồ-đề của Pháp thân Phật nghĩa là Như Lai tạng tánh tịnh Niết-bàn thường thanh tịnh bất biến như văn kinh nói “Như Lai thấy biết như Thật tướng của ba cõi, không như ba cõi mà thấy nơi ba cõi nghĩa là cõi chúng sanh tức cảnh giới Niết-bàn, không lìa cảnh giới chúng sanh tức Như Lai tạng”. Lại nói “tôi chẳng dám khinh quý Ngài vì quý Ngài đều sẽ làm Phật” tức là Chánh nhân Phật tánh. Lại nói “vì khiến chúng sanh khai mở tri kiến Phật” tức là “Liễu nhân Phật tánh”. Lại nói “Giống Phật từ duyên khởi” tức là Duyên nhân Phật tánh. Pháp Hoa Luận cũng nêu ra ba loại Phật tánh. Luận nói “chỉ có Phật Như lai chứng Đại Bồ-đề”, rốt ráo đầy đủ tất cả trí tuệ cho nên gọi là “đại” (lớn). Nói “tôi không dám khinh quý Ngài vì quý Ngài đều sẽ thành Phật” là chỉ ra các chúng sanh đều có Phật tánh. Kinh luận đã nêu rõ chứng cứ tại sao nói không có? Lại nữa Niết-bàn nói “Kinh này xuất thế như quả thật kia đa phần là chỗ làm lợi ích an vui cho tất cả, có thể khiến chúng sanh thấy tánh của Như Lai”. Như trong Pháp Hoa, tám ngàn Thanh văn được thọ ký riêng mà thành “quả thật lớn” như mùa thu gom góp, mùa đông tích chứa mà không còn làm gì nữa. Nếu tám ngàn Thanh văn ở trong Pháp Hoa không thấy Phật tánh thì Niết-bàn không nên chỉ trống không (huyền chỉ) văn rõ

ràng tin tưởng nghiệm thấy đâu một vội chấp? Lại nữa, quyển hai mươi lăm của Niết-bàn nói “cứu cánh rốt ráo” là chỗ đạt được một thừa của tất cả chúng sanh”. Một thừa gọi là Phật tánh. Vì nghĩa ấy cho nên Ta nói tất cả chúng sanh thấy đều có Phật tánh, tất cả chúng sanh đều có một thừa”. Như vậy, giáo một thừa của kinh này và Niết-bàn đều mâu nhiệm hội chung vả lại Niết-bàn do vẫn gánh ba thừa mà còn được đạo huống gì kinh này chỉ thuần nêu ra một thừa không lẫn tạp. Niết-bàn không có phát khởi “Tích môn” nhưng kinh này hiển bày nghĩa căn Bản môn nên nói “nơi nơi đều nói sanh, nơi nơi đều hiện diệt, trong vị lai thường an trụ ba đời mà làm lợi ích cho chúng sanh; chúng như thấy bị thiêu đốt nhưng cõi của ta không hủy diệt. Vậy há thần thông kéo dài tuổi thọ lại có diệt tận ư? Mà phá nghĩa “thần thông kéo dài tuổi thọ” v.v...

Vấn nạn về thời giáo thứ năm tức là nói đến rừng “Song thọ” thường trụ, Phật tánh của chúng sanh, Xiển đề thành Phật. Hỏi: các Luận sư của Thành Luận nương vào hai đế để giải nghĩa vậy thời giáo thứ năm có thuộc về hai đế không? Nếu thuộc về hai đế thì đồng với các giáo. Hai đế của giáo trước còn là vô thường thì hai đế tại vườn Song thọ sao được thường trụ? Nếu tại rừng Song thọ vượt ra ngoài hai đế có thể chiếu soi “lý riêng biệt để phá hoặc riêng biệt chứng thường trụ ấy thì hai đế của giáo trước đã nêu ra cũng chiếu soi lý riêng biệt, phá hoặc chứng riêng biệt, tại sao bỗng nhiên vô thường? Phật tánh của chúng sanh và Xiển đề thành Phật cũng theo như đây mà vấn nạn tức nên biết nêu ra lý của thời giáo thứ năm này không khác với thời giáo, giáo trước. Vậy căn cứ vào đâu mà bàn thường trụ ư?!

Vấn nạn về Đốn giáo thì theo như những vấn nạn đây có thể hiểu. Thật đã là đồng thì căn cứ vào đâu phán định làm Đốn giáo? Quyền tuy khác biệt nhưng không nên theo sự mà phán quyết đại thừa và tiểu thừa thì trở nên điên đảo v.v...

Kế đến vấn nạn về “thiên phương bất định giáo” Nói chẳng phải “thứ tự” tức riêng biệt làm một duyên như cùng loại Kinh Kim Quang, Thắng Man, Lăng Già, Ương Quật” v.v... Hỏi: Kinh Ương Quật nói trong sáu năm và nếu liệt kê thứ tự xem hết các kinh còn lại sự quở trách để nói thường trụ thì phải phân biệt các giáo còn lại rõ ràng. Bốn vua Thích Phạm và mười đệ tử cho đến Văn thù đều bị quở trách, đồng nghe rõ ràng phải được xếp vào “loại thứ tự” nhưng nay phán định là thiên phương (thiên về Phương đẳng). Vậy Tịnh Danh cũng là quở trách tại sao được dẫn làm “loại thứ tự”? Lại nữa sự quở trách của Tịnh Danh

là ở “xưa kia”, thuật lại ngôn từ trước để nói không kham nhận được nên biết trước mười hai năm đã phải bị quở trách cùng đồng với kinh Ương Quật. Nếu nói Kinh Ương Quật thiên Phương thì Tịnh danh không phải loại thứ tự. Nếu cho Ương Quật nói rõ thường, riêng biệt làm một duyên thì Tịnh Danh nói “trần lao là hạt giống của Như Lai” sao được gọi là thuyết thứ tự v.v...

Kế đến vấn nạn về việc nương vào năm vị của Niết-bàn để phán quyết năm thời giáo: Dùng thí dụ “từ trâu cho ra sữa” ví như: giáo hữu tướng” thuộc trước mười hai năm của Tam tạng. Từ sữa cho vị Lạc ví cho “giáo vô tướng” của Bát-nhã sau mười hai năm. Từ Lạc cho ra Sanh tô là dụ cho giáo khen chê của Phương Đẳng. Từ Sanh tô cho ra Thục tô là dụ cho giáo Pháp Hoa thuộc vạn thiện đồng quy. Từ Thục tô cho ra Đề hồ là dụ cho giáo thường trụ của Niết-bàn. Đây là hiện thấy trái với văn, nghĩa lý điên đảo sanh ra lẫn nhau hoàn toàn không là thứ tự. Vì sao? Vì Kinh nói: Từ trâu ra sữa ví như bắt đũa từ Phật xuất ra mười hai bộ kinh tại sao: lấy mười hai bộ đối lại với giáo hữu tướng của chín bộ? Một là giáo hữu tướng không có mười hai bộ, hai là “giáo hữu tướng” chẳng phải Phật ban đầu nói cho nên không thể dùng điều này làm đối lập v.v... Luận kia liền bào chữa “tiểu thừa cũng có mười hai bộ và dẫn văn chứng minh rằng “ở trên núi tuyết có loại cỏ nhẫn, nếu trâu ăn vào thì cho ra đề hồ, lại có loại cỏ khác, nếu trâu ăn vào thì cho ra vị đề hồ” nên biết tiểu thừa và đại thừa đều có mười hai bộ! Chỉ khác biệt ở đây là có Phật tánh và không có Phật tánh mà thôi!” Nay hỏi ví dù thông suốt có mười hai bộ thì cứ gì không chọn mười hai bộ nói có Phật tánh làm Nhũ giáo ư! Phẩm thứ bảy của Đại kinh nói “chín bộ không nêu ra Phật tánh thì người ấy không có tội. Như nói biển lớn chỉ có bảy thứ báu chứ không có tám thứ báu, người ấy không có tội”. Theo thông lệ như đây mà nói, nếu mười hai bộ không có Phật tánh thì người ấy đắc tội. Đã nói đủ mười hai bộ vậy ý gì không nêu ra Phật tánh! Tức rơi vào câu đắc tội há lại gom chung vào mười hai bộ vô tội ư! Nếu nói từ mười hai bộ xuất ra Tu-đa-la, Tu-đa-la đối với Bát-nhã vô tướng thì Tu-đa-la thông suốt tất cả hữu tướng và vô tướng. Năm thời giáo đều gọi là Tu-đa-la thì cứ gì chỉ riêng đối với Bát-nhã vô tướng? Giải thích rằng “trong Bát-nhã có nghĩa “nói thẳng” lại là thời giáo thứ hai cho nên dùng đối với nó. Nếu nói “trực thuyết” ứng với Tu-đa-la này thì trong Bát-nhã có “thí dụ, nhân duyên, thọ ký, luận nghị” chứ đâu chỉ có “trực thuyết”? Bát-nhã bao hàm đầy đủ các cách thuyết pháp, lấy Tu-đa-la làm tên gọi thì kinh khác cũng trực thuyết cứ sao không đối với Tu-đa-

la? Nếu nói “thời thứ hai” thì kinh nào không phải thời thứ hai? Điều này đã như vấn nạn trước. Từ Tu-đa-la lưu xuất ra kinh Phương Đăng, nếu dùng đối ứng với “giáo khen chê” của Tịnh Danh thì Tịnh Danh không ứng với ở sau của Đại Phẩm. Điều này đã như trước phá v.v... Từ Phương Đăng lưu xuất ra Bát-nhã và dùng đối với Pháp Hoa thì văn kinh tự nói Bát-nhã mà biện luận quanh co làm Pháp Hoa, trở lại văn kinh căn cứ ở nghĩa thì rất là vô ý! Niết-bàn nói “tám ngàn Thanh văn ở trong Pháp Hoa được thọ ký” không nói thọ ký ở Bát-nhã thì sao được nói Pháp Hoa là Bát-nhã! Như vậy là trái với văn và làm mất ý chỉ nên không thành thứ tự. Từ Bát-nhã lưu xuất ra Đại Niết-bàn, Luận kia giải thích: “Từ Pháp Hoa lưu xuất ra Đại Niết-bàn” thì đây cũng không phù hợp kinh văn, ví như đứa con ngổ nghịch, lại tự như dê trở chứng” v.v... Sự mất mát của năm thời có lỗi như vậy, ba thời và bốn thời giáo cũng thế nên không cần phải mệt nhọc để hỏi. Các tướng giáo phương Nam không đáng nương theo vậy.

Nay lại vấn nạn các nhà (Luận sư) dùng nghĩa của ba thời: Sau mười hai năm sau cho đến Pháp Hoa đồng gọi là giáo vô tướng thì Pháp Hoa gom ba thừa và Bát-nhã cũng nên quy vào một thừa. Nếu không như vậy thì sao đồng gọi là vô tướng! Bốn thời theo thông lệ cũng như vậy. Kế đến vấn nạn về nghĩa năm thời của quan điểm phương Bắc. Nếu nói Đề vị nói năm giới và mười điều thiện thì kinh kia chỉ nêu ra năm giới mà không nêu ra mười điều thiện. Chỉ có giáo của người tức chẳng phải giáo của trời. Ví dù có cho Kinh này vì giáo hóa Trời, người thì các kinh đều nêu ra “giới thiện” cũng nên là giáo của trời, người. Lại nữa, kinh kia nói “năm giới là mẹ của chư Phật, nếu muốn cầu Phật đạo thì phải đọc kinh này, muốn cầu A-la-hán thì phải đọc tụng kinh này”. Lại nói “muốn được địa bất tử thì phải đeo bùa trường sinh, uống thuốc bất tử, giữ lấy ấn an vui lâu dài. Bùa trường sinh là pháp của ba thừa. Ấn an vui lâu dài là đạo Niết-bàn cơ sao chỉ nói giáo của trời người? Lại nói “năm giới là căn bản của trời đất, là nguồn gốc của các linh tri. Trời giữ năm giới khiến âm dương hòa hợp, đất giữ lấy năm giới khiến vạn vật sanh. Như vậy giới là mẹ của vạn vật là cha của vạn thần, là khởi nguyên của đại đạo, là nguồn gốc của Niết-bàn”. Lại nữa, bốn sự là căn bản của năm ấm, sáu suy. Bốn sự tức là bốn đại. Bốn sự vốn thanh tịnh, năm ấm vốn thanh tịnh, sáu suy vốn thanh tịnh. Như các ý này v.v... thì là thuyết cùng nguyên cực diệu chứ cơ sao chỉ nói là giáo của trời người! Lại, Trưởng giả Đề Vị được không khởi Pháp Nhãn ba trăm người được “tín nhãn”, hai trăm người đạt được Tu-đà-hoàn, bốn

vua trời đạt được “pháp nhãn nhu thuận”, Long vương đạt được “tín căn”. Chúng A-tu-la đều phát khởi ý đạo vô thượng chánh chơn, xem những người được đạo này đâu chỉ giáo của trời người! Lại nữa, Thích Luận kết luận các tạng pháp được kết tập bắt đầu từ thành Ba-la-nại cho đến đêm nhập Niết-bàn hễ pháp nói tiểu thừa thì kết làm Tạng của ba pháp (ba pháp ấn), từ “sơ sanh cho đến Song Thọ” hễ nói đại thừa thì kết làm tạng Ma-ha-diễn. Và trước khi ở Lộc Uyển thuộc Ba La Nại nói pháp không tính thuộc về tiểu thừa, vì sao? Vì bấy giờ chưa có Tăng bảo. Vì vậy không nên dùng “Đề Vị” làm giáo đầu tiên. Nếu nói Đề Vị là giáo bí mật thì một âm mà hiểu khác chứ không nên tại sự hiển lộ ban đầu. Bốn thời còn lại đồng với quan điểm của phương Nam như trước đã phá v.v...

Kế đến vấn nạn về nghĩa giáo một nửa và đầy đủ (bán tự, mãn tự) của Bồ-đề Lưu chi. Từ ban đầu, tại vườn Lộc Uyển Tam tạng đều nêu ra nghĩa “một nửa”. Từ Bát-Nhã trở đi cho đến hết Niết-bàn đều nêu rõ giáo “đầy đủ”. Điều này không phải như vậy. “Từ đêm đắc đạo Phật thường nói Bát-nhã thì tại vườn Lộc Uyển đến sau đâu từng không nói giáo đầy đủ? Như thời Đề vị có vô lượng trời người đạt được “Vô sanh nhẫn” và thành đạo được sáu năm rồi nói kinh Ương Quật Ma La. Niết-bàn nói “ban đầu Ta thành đạo, có hằng hà sa Bồ-tát đến hỏi nghĩa ấy như ông không khác” nên biết tại vườn Lộc Uyển không phải thuần túy nói giáo “phân nửa”. Từ Bát-nhã trở đến các kinh đều nói “mãn giáo”. Thích Luận nói “Bát-nhã chẳng phải giáo bí mật để phó chúc cho A nan, Pháp Hoa là giáo bí mật phó chúc cho A nan, Pháp Hoa là giáo bí mật phó chúc cho các Bồ-tát”. Nếu đồng là “mãn giáo” thì tại sao nói một giáo bí mật và một giáo không bí mật? Lại nữa, nếu đồng là “mãn giáo” thì đồng gom ba thừa. Hơn nữa nếu đồng là “mãn giáo” (giáo đầy đủ) thì “sanh tô và thực tô” nên đồng với “đề hồ” và đề hồ đồng là sanh tô, thực tô! Vị “năng thí” đã sai biệt bất đồng thì pháp sở thí há đều là mãn giáo v.v...

Kế đến vấn nạn về “bốn tông” nghĩa là nhân duyên tông chỉ ra sáu nhân và bốn duyên của A-tỳ-đàm. Nếu như vậy thì Thành Thật Luận cũng nêu rõ ba nhân và bốn duyên! Tất cả các pháp đều do duyên mà sanh và nói nhân duyên thì thông suốt tất cả đâu chỉ ở A-tỳ-đàm? Lại nữa, “tông nhân duyên” khác với “tông giả danh” cho nên Thành Thật Luận nói “thấy (Kiến) Tứ đế hữu tướng là pháp điều tâm không thể đắc đạo”. Vậy đã lập tông nhân duyên thì đắc những đạo gì? Nếu đắc đạo tiểu thừa thì đồng với tông giả danh, đâu cần phải biệt lập? Nếu đắc đạo

đại thừa tức đồng với Viên thường, đâu cần biệt lập?! Nay biệt lập lấy làm tông nên riêng phán quyết một đạo v.v... Kế tiếp vấn nạn về “tông giả danh” nghĩa là chỉ ra Thành Thật Luận quán ba giả phù hư tức là pháp sự của thế đế, chẳng phải của “tông luận kia”. Luận kia nói thấy “không” mà đặc đạo lẽ ra phải dùng “không” làm tông. Lại nữa Thích Luận nói “môn “không” trong Tam tạng không có môn giả danh”. Nếu chỉ ra nghĩa kia thì nên dùng tông ấy. Đã biệt lập danh thì chẳng phải thấy “không” mà đặc đạo v.v... Kế đến vấn nạn về “tông không chơn” tức chỉ ra mười thí dụ của Đại Phẩm. Vì tướng hư vọng không chơn thật nên Long Thọ chỉ trích kinh Phương Quảng mà nói “giữ lấy mười thí dụ của Phật: tất cả như huyễn hóa, không sanh không diệt. Làm mất đi y Bát-nhã thì cũng đồng với ngoại đạo. Vậy thì tại sao lại nhặt lấy nghĩa bị chỉ trích của người khác mà lập “kinh Bất Chơn?” Nếu cho rằng văn nêu rõ huyễn hóa thì không nên biện luận “Phật tánh thường trụ” làm “bất chơn”, nghĩa là điều này tức không như vậy. Kinh nói rõ Phật tánh thường trụ, đã như trước nói đâu chỉ kinh này nêu ra sự huyễn hóa? Hoa Nghiêm cũng nói như huyễn như mộng, tâm như thuật sĩ khéo v.v... với nhiều loại thí dụ khác. Niết-bàn cũng nói “các pháp như huyễn hóa, đức Phật ở trong đó mà không bị vướng mắc”. Như vậy, các kinh đều nêu ra huyễn hóa, cũng nên là “tông bất chơn” (tông không chơn thật). Nếu các kinh nêu ra huyễn hóa nhưng chẳng phải là “tông bất chơn” thì sao chỉ riêng Đại Phẩm lại “chịu khổ” làm tướng hư vọng không thật?! Lại nữa vấn nạn về “thường tông” tức chỉ ra Niết-bàn thì kinh Niết-bàn đâu chỉ riêng nói thường trụ, mà cũng có nói “chẳng phải thường, chẳng phải vô thường”, năng thường, và năng vô thường đều song song sử dụng, đầy đủ tám nghĩa trình bày, sao chỉ riêng chọn lấy “thường trụ” dùng làm tông? Sao không lấy Vô thường dùng làm tông? Như xe thiếu bánh thì không vận chuyển được và chim thiếu cánh không thể bay được v.v... Luận kia nói “tướng hư dối và tông “bất chơn” tức là giáo Thông. Thường tông chỉ là chơn tông, tức là tông thông. Như vậy tông thì thông suốt cho chơn thật và không chơn thật, còn không chơn thật ý gì lại bỏ tông mà dùng giáo? Và chơn tông thì ý gì không có giáo mà lập tông? Tông, nếu không có giáo thì sao được biết là chơn thật? Chơn tông nếu mất tông mà có giáo thì đồng gọi là giáo thông. Nếu đều mất giáo thì đồng gọi là “tông thông”. Nếu đều an lập giáo thì đồng gọi tông, giáo thông. Nếu lưu lại “chơn và bất chơn” thì đồng gọi là “thông bất chơn tông giáo” và “thông chơn tông giáo”. “Thông bất chơn tông” có thể là pháp thông tu của ba thừa vậy “Thông chơn tông” cũng nên là pháp

thông tu của ba thừa. Nếu nói “thông” này là thông suốt (chung) của dung thông thì “giáo thông” cũng là chơn của “chơn thông”. Đây chính là hai tên gọn lỏn nhưng nghĩa lại đồng không có sai biệt. Luận kia lại dẫn kinh Lăng Già nói “nói giáo thông là pháp yếu ớt (đồng mông) còn “tông thông” là Bồ-tát” cho nên dùng chơn tông làm “tông thông”. Nếu như vậy thì nhân duyên, giả danh và bất chơn đều là “pháp yếu ớt” vậy không nên thấy lập tông. Nếu ngược trở lại đều quyết định thì danh nghĩa của bốn tông không có tiện lợi vậy.

Kế đến vấn nạn về năm tông tức bốn tông như vấn nạn trước đã nói. Nếu nói Hoa Nghiêm làm “tông pháp giới” khác với Đại Niết-bàn thì Niết-bàn chẳng phải là pháp giới mà chỉ gọi “thường tông”. Đại kinh nói “Đại Bát Niết-bàn là pháp giới của chư Phật”. Vậy vì người yếu kém mà lui lại nói Hoa Nghiêm chẳng! Nếu thường trụ chẳng phải pháp giới và pháp giới chẳng phải “thường trụ” thì pháp giới chẳng phải thường trụ nên có sanh diệt và thường trụ chẳng phải pháp giới nên thu nhiếp pháp không hết. Điều này không thể như vậy. Đại Phẩm nói “không thấy một pháp nào thoát ra khỏi pháp tánh” thì pháp tánh tức là pháp giới. Lại nói “tất cả pháp hướng đến sắc”, sự hướng đến ấy không vượt qua sắc thì há chẳng phải nói về pháp giới mà chỉ nói Hoa Nghiêm là pháp giới và khác với Niết-bàn và Đại Phẩm ư!

Kế đến vấn nạn về sáu tông tức trong đó bốn tông đã được trình bày như vấn nạn trước còn nay nói đến hai tông “chơn, thường”. Chơn và thường nếu đồng nhau thì cứ gì lại khai mở hai tông chơn và thường? Nếu khác biệt thì đều chẳng phải “diệu pháp”. Vì sao? Vì nếu chơn chẳng phải thường thì chơn tức là sanh diệt và nếu thường chẳng phải chơn thì thường ấy tức là hư ngụy. Lại chơn nếu không phải thường thì đâu khác với ba tông trước?! Nếu thường chẳng phải chơn tức là có pháp “phá hoại”.

Kế đến vấn nạn về “viên tông” (tông viên mãn). Nếu nói sự nhiễm, tịnh của Đại Tập là viên dung, khác với Niết-bàn và Hoa Nghiêm thì điều này cũng không đúng. Đại Phẩm nói “tức sắc là không chứ chẳng phải sắc diệt rồi mới không”. Thích Luận giải thích” sắc là sanh tử, “không” là Niết-bàn. Cõi Niết-bàn và bờ sanh tử là một chứ không hai, vậy há chẳng phải nhiễm, tịnh đều viên dung!” Lại nói “tất cả pháp đều hướng đến “sắc dục”, hướng đến các cái thấy điên đảo, si mê v.v... thì há chẳng phải đều là tướng viên dung!”. Tịnh Danh nói “tất cả trần lao là hạt giống của Như Lai, hành phi đạo mà đạt được Phật đạo, không đoạn si, ái mà khởi các minh thoát”. Vậy sự viên dung này có khác gì với Đại

tập v.v... Sáu tông và năm tông này đều dựa vào bên cạnh “bốn tông lệch” để triển khai nhưng bốn tông kia không có văn chữ, hoặc nên ra văn của kinh Vương Đảnh. Kinh ấy ban đầu nói: các pháp nhân duyên sanh là không. Kế đến dạy các con về pháp thường trụ một thừa”. “Các pháp không” thì không phải là “tông giả danh”. “Một thừa thường trụ” thì không phải là tướng hư vọng của giáo thông. Hoặc nói kinh không thể lường tính. Bốn tông đã như vậy mà năm tông và sáu tông ước định vào bốn tông để khai lập tức đều khó mà tin dùng.

Kế đến vấn nạn về giáo hữu tướng và vô tướng của đại thừa nghĩa là không nên nói riêng ra hữu tướng hay vô tướng, vì sao? Vì vốn ước định vào Chơn đế để luận về Tục đế và lại ước định vào Tục đế để luận về Chơn đế. Người có Nhất thiết trí dùng pháp vô vi nhưng có sai biệt, Hoa Nghiêm tuy luận về mười địa nhưng đâu từng không dựa vào Pháp thân? Lăng Già và Tư Ích tuy luận về “không” nhưng đâu từng không nói “Vô sanh nhẫn”? Nếu thuần dùng “hữu tướng” thì tướng ấy không có “thể” thì những gì giáo thuyết nói cũng không đắc đạo? Nếu thuần dùng “vô tướng” thì vô tướng ấy chơn thật vắng lặng tuyệt đối li ngôn từ. “Ngôn ngữ đoạn mất và chỗ hành của tâm cũng diệt” tức chẳng phải là giáo vậy sao có thể nói? Nếu nói giáo này, giáo chính là tướng thì thế nào gọi là “vô tướng”? Trong Đại Phẩm Tu Bồ-đề hỏi “Nếu các pháp rốt ráo không có gì cả thì sao nói: Có một địa cho đến mười địa? Phật đáp “vì các pháp rốt ráo không có gì cả cho nên liền có sơ địa của Bồ-tát cho đến mười địa. Nếu các pháp có tánh quyết định thì không có một địa cho đến mười địa”. Do vậy cho nên biết hai loại đại thừa riêng biệt nói đều trái với kinh v.v...

Kế đến, vấn nạn về một âm giáo là chỉ nói một đại thừa không có ba thừa sai biệt, tức là “thật trí”, không thấy “quyền trí”. Nếu chỉ có đại thừa thì cơ sao trong Pháp Hoa nói “nếu ta khen ngợi Phật thừa thì chúng sanh chìm vào khổ não, phá pháp mà không tin cho nên rơi vào ba đấng ác”, “Phật khi tư duy tìm kiếm phương tiện, nên chừa Phật đều hoan hỷ” cho nên biết chẳng phải chỉ nói một thừa giáo. Nếu thuần chỉ là một thừa thì cũng nên thân thuần là tướng giả, mà đã có “thể áo thô rách” tức cũng có giáo của tiểu và đại thừa khác biệt, đâu được vội vàng lại phán quyết một âm giáo để đánh mất ý “phương tiện”. Nếu nói Phật thường nói một thừa mà chúng sanh thấy ba thì chúng sanh là “năng hóa” còn Phật là “sở hóa”. Nhưng Phật đã là “năng hóa” phải là năng thuyết ba thừa, đâu được dùng một thừa? Nếu nói Pháp Hoa thuần túy một thừa có thể như vậy thì năm vị trời trong kinh Hoa Nghiêm trở

lại cũng là Bồ-tát độn căn mà khai mở phương tiện riêng biệt hướng hồ là kinh khác! Cho nên biết giáo một âm chỉ có “một xe lớn” mà không có nô bộc tùy tùng, phương tiện đi theo để hầu hạ hộ vệ”, chỉ có trí tuệ Ba-la-mật mà không có phương tiện Ba-la-mật v.v...

- Nghiên cứu tường tận, sự nhận lấy và bỏ đi nghĩa là: Vì xét thật kỹ về thật trí nên nói “nghiên cứu”, nghiệm xét quyền trí nên nói: “tường tận”, thích hợp phát tướng nên nói “nhận lấy và bỏ đi”. Nếu năm thời nêu ra giáo thì được văn phương tiện của năm vị mà đánh mất ý của một đạo chơn thật. Tuy được văn ấy phối hợp đối đãi nhưng đánh mất ý chỉ. Văn ấy thông dụng nhưng sự cân đối lại đứt hẳn. Nếu nói trước đó mười hai năm nêu ra “giáo hữu tướng” thì chỉ đạt được một môn của tiểu thừa nhưng đánh mất ba môn kia, vì sao? Vì trong Tam tạng nói trải qua bốn môn mà đạt đạo: hoặc thấy “có” mà đắc đạo như A-tỳ-đàm; hoặc thấy “không” mà đắc đạo như Thành Luận; hoặc thấy “cũng có cũng không” mà đắc đạo như Côn Lặc, hoặc thấy “chẳng phải có chẳng phải không” mà đắc đạo như Xa Nặc cho nên biết đối với chơn pháp bảo Niết-bàn, mỗi chúng sanh đều dùng mỗi môn mà đi vào. Nếu muốn đi ra một môn mà trình bày cả bốn môn thì phải tổng nói đến Tam tạng. Nếu muốn rộng nêu ra đầy đủ để lập nên bốn loại môn thì ý gì thiên lệch giữ lại môn “hữu tướng” mà đánh mất ba môn kia? Đời sau nghi, lầm Không và Có mà trở nên tranh cãi. Nếu là Bồ-tát của Tam tạng giáo thì cần phải học rộng bốn môn, thông suốt các phương tiện rồi sau khi được thành Phật mới gọi là “chánh biến tri”. Nếu chỉ nêu ra “giáo hữu tướng” thì chỉ được thấy “có” mà đắc đạo. Nghĩa là chỉ có một môn Thanh văn chứ hoàn toàn đánh mất ba môn để nhập vào đường Niết-bàn, tức đối với nghĩa tiểu thừa có sự thiếu sót. Nếu chỉ có “giáo hữu tướng” thì thiên lệch biết một môn mà không hiểu ba môn tức chẳng phải “chánh biến tri”, đối với nghĩa Bồ-tát có sự thiếu sót, sự thiếu sót ấy thì nhiều nên cần phải bỏ, sự được là ít nên giữ lại một. Nếu sau mười hai năm nêu ra “giáo vô tướng” thì vô tướng ấy đạt được “cộng Bát-nhã” mà đánh mất “bất cộng Bát-nhã”. Cộng Bát-nhã có bốn môn: như huyễn như hóa tức là môn “có” huyễn hóa tức không có là môn “không”, huyễn hóa có mà không có là môn “cũng không cũng có”, song song chẳng phải huyễn hóa là môn “chẳng phải không chẳng phải có”. Nếu nói Bát-nhã vô tướng thì đạt được một môn không của cộng Bát-nhã” chứ hoàn toàn mất ba môn kia và cũng mất bảy môn. Đây còn không phải là “nhân chánh biến tri” hướng hồ là “quả chánh biến tri”. Sự đánh mất ấy tức là bỏ và sự đạt được ấy tức là giữ lấy v.v...

Nếu nói thời giáo thứ ba thì chê trách Thanh văn mà khen ngợi xiển dương Bồ-tát. Đây là chê trách một loại Thanh văn tiểu thừa và hoàn toàn làm mất bảy loại Thanh văn, và được hiển bày một ý đại thừa hoàn toàn không được chê trách các Bồ-tát thiên lệch để xiển dương Bồ-tát viên mãn tốt cùng, cũng không được chê trách các Bồ-tát thuộc quyền trí mà xiển dương Bồ-tát thuộc thật trí. Lại nữa, không biết bốn môn thiên, viên, quyền, thật thì chỗ đạt được ít mà không thể được nhiều. Nếu nói thời thứ tư là giáo đồng quy thì chỉ được “vạn thiện đồng quy vào tên gọi của một thừa chứ không thể được” vạn thiện đồng quy vào chỗ của một thừa. “Chỗ” tức là Phật tánh đồng quy vào “thường trụ” v.v... chỉ được gom ba thừa quy về một thừa chứ không thể gom năm thừa quy về một thừa, không thể gom bảy thừa quy về một thừa, chỉ được quy về một thừa chứ không thể quy về Phật tánh thường trụ. Nếu có như đây v.v... thì sẽ đánh mất v.v... Thời giáo thứ năm nếu nương vào hai đế mà luận về thường trụ thì chẳng phải thường trụ. Nếu không nương vào hai đế thì không có chỗ trung gian. Luận kia tuy nên ra “thường” nhưng hoàn toàn đánh mất “chẳng phải thường chẳng phải vô thường” mà song song dùng “thường, vô thường” nên chỉ đạt được một trong bốn thuật pháp và vĩnh viễn đánh mất “bảy thuật pháp”, lại còn không đạt được chánh thể của nó v.v... Bốn thời giáo và ba thời giáo không có văn có thể nương vào, không có thật có thể căn cứ, tiến thoái không có gì có thể giữ lấy v.v... Năm thời của quan điểm thuộc phương Bắc cũng không có văn để căn cứ, lại đánh mất ý thật. Trong đó sự bỏ và lấy giống trước có thể biết. Bán giáo và mãn giáo được ý thật mà đánh mất ý phương tiện Bốn Tông giáo mất ý phương tiện của năm vị giáo. Lại đánh mất ý thật. Năm tông và sáu tông theo thông lệ cũng như vậy. Hai loại quyền thật của giáo đại thừa: trái lìa, cha mẹ trái lìa, làm sao đạo sư được sanh? Quyền nếu lìa thật, không có ấn Thật tướng thì thuộc về ma nói. “Thật” nếu lìa “quyền” thì không thể nói chỉ ra. Một âm giáo thì được “thật” mất “quyền” v.v... Như người góa vợ và góa chồng không thể quan hệ nên vĩnh viễn không có con cháu. Các nhà giải thích giáo có nhiều loại bất đồng, đều là bậc thầy của đương thời. Mỗi vị tự cho rằng có sự thấu đáo, thời ấy đã lưu truyền rộng, mà nghĩa cũng có bổ sung thêm, các vị hiền giả sau này lẫn lộn cố chấp theo tình riêng, vội vã tranh biện lung tung, cho nên văn từ trên xuống đến nay là vấn nạn để đả phá vậy.

Kế đến luận sơ lược đại ý của sự bỏ và lấy v.v... Nếu loại trừ bệnh kia thì như chỗ trước đã nói. Nếu không trừ bệnh ấy thì dụng pháp có

khác. Tại sao nói dụng khác? Vì nếu có tướng thì dùng đầy đủ bốn môn còn vô tướng thì chỉ dùng “cộng và bất cộng Bát-Nhã”. Tám môn khen chê nghĩa là chê tiểu thừa mà khen đại thừa, chê sự thiên lệch mà khen sự viên mãn, chê quyền trí mà khen thật trí. Đồng quy tức là dụng đồng quy về một thừa, thường trụ Phật tánh rất ráo viên mãn. Thường trụ tức là dùng “chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, song song dùng “thường, vô thường” khiến như hai cánh chim đều bay đi. Tám thuật pháp đầy đủ nghĩa là dụng năm vị giáo thứ tự như văn dưới sẽ nói, dùng Đề-vị-Ba-lợi cũng không dừng lại ở thừa của trời, người, dùng Bán và Mãn giáo tức có năm câu: Mãn giáo khai mở đầy đủ mà lập nên bán giáo, phá Bán giáo để nêu rõ Mãn giáo, nương vào Bán giáo mà nêu ra Mãn giáo, phế bỏ Bán giáo để nêu ra Mãn giáo, dùng nhân duyên và giả danh tức là hai môn của Tam tạng giáo. Dùng tướng giả dối là một môn của Thông giáo, dùng chơn chỉ là thường và thường chỉ là chơn, dùng pháp giới không chỉ ở Hoa Nghiêm, Viên tông không chỉ thiên về Đại Tập; dùng hữu tướng và vô tướng là ước định ở “hữu tướng” để nêu ra vô tướng và ước định ở “vô tướng” để nêu ra hữu tướng, cả hai đều không lia nhau. Dùng một âm giáo là phương tiện hiểu có tuệ, và tuệ hiểu có phương tiện. Nếu giữ lấy những tên gọi đó thì dùng nghĩa hoàn toàn khác v.v...

- Phán quyết về tướng giáo được chia làm sáu phần: 1. Đại cương; 2. Dẫn ba văn để chứng minh; 3. Năm vị giáo, bán giáo, và mãn giáo cùng nhau thành; 4. nêu ra hợp và không hợp; 5. Giả lược về Biệt và Viên; 6. Tăng số để nêu ra giáo.

Đại cương gồm có ba loại: Đốn, Tiệm và bất định. Ba tên gọi này đồng với xưa nhưng nghĩa có khác v.v... Nay giải thích ba giáo này mỗi loại làm ra hai giải thích: 1. Căn cứ vào giáo môn để giải thích; 2. Căn cứ vào quán môn để giải thích. Giáo môn là người của Tín hành lại thành nghĩa “nghe” còn quán môn là người thuộc Pháp hành lại thành nghĩa “tuệ”. Như thế nghe và tuệ đầy đủ như người có mắt nên khi ánh sáng mặt trời chiếu rọi thì liền thấy đủ loại màu sắc, đầy đủ như kệ trong Thích Luận v.v... Trước hết căn cứ ở giáo: Nếu Phật thuyết ở tám hội, bảy chỗ, Hoa Nghiêm thì ví như mặt trời mới mọc trước hết soi chiếu vào núi cao, như trong Tịnh Danh nói “chỉ người thấy mùi hoa Chiêm bặc, trong Đại Phẩm nói Bất cộng Bát-nhã, trong Pháp Hoa nói “chỉ nói đạo vô thượng” lại như nói “mới thấy thân ta, nghe Ta nói liền đều tin nhận mà nhập vào tuệ của Như Lai, nếu gặp chúng sanh thì dạy hết Phật đạo”, Niết-bàn nói “ở trên núi tuyết có một loại cỏ “nhẫn

nhục” nếu trâu ăn vào thì liền được vị đề hồ”, lại nói “ban đầu Ta thành Phật có hằng sa Bồ-tát đến hỏi nghĩa ấy như ông không khác”. Các kinh đại thừa đại loại ý nghĩa như đây, theo thông lệ đều gọi là tướng Đốn giáo chứ chẳng phải bộ Đốn giáo.

Tướng của Tiệm giáo là như quyển mười ba của kinh Niết-bàn nói “từ Phật lưu, xuất ra mười hai bộ kinh, từ mười hai bộ kinh lưu xuất ra Tu đa la, từ Tu đa la lưu xuất ra Phương đẳng, từ Phương Đẳng lưu xuất ra Bát-nhã, từ Bát-nhã lưu xuất ra Niết-bàn”. Ý như vậy v.v... tức là tướng của Tiệm giáo. Lại nữa “bắt đầu từ trời người đến hàng Nhị thừa, Bồ-tát, Phật đạo” cũng là Tiệm giáo. Lại nữa, “khoảng trung gian nói thứ tự mà nhập vào” cũng là Tiệm giáo v.v...

Giáo bất định thì không có pháp riêng biệt, chỉ dựa trên ở Đốn giáo và Tiệm giáo mà nghĩa ấy tự rõ ràng. Nay căn cứ ở quyển hai mươi bảy của Đại kinh nói “bỏ thuốc độc vào trong sữa thì sữa ấy tức liền làm chết người, cho đến lạc, thực tô, sanh tô, đề hồ cũng có thể làm chết người. Điều này có nghĩa là do ở chỗ Phật quá khứ đã từng nghe giáo Thật tướng của đại thừa nên ví dụ sữa dùng độc. Nay gặp âm giáo của Thích Ca thì thuốc độc ấy liền phát khởi, mê hoặc trói buộc người khiến đến chết. Hoặc như Đề-vị Ba-lợi” chỉ nghe năm giới được không khởi Pháp Nhãn. Ba trăm người được Tín nhãn. Bốn vua trời được Nhu thuận nhãn, đều uống thuốc an vui lâu dài, đeo bùa trường sanh, trụ ở trong năm giới thấy “mẹ của chư Phật” thì đó là “ở trong sữa có thể giết người” trong vị Lạc có thể giết người thì như Trí Độ Luận nói “giáo có hai loại: giáo hiển lộ và giáo bí mật. Giáo hiển lộ là ban đầu chuyển pháp luân khiến năm tỳ-kheo và tám vạn các trời đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Giáo bí mật là vô lượng Bồ-tát đạt được Vô sanh pháp nhãn”. Đây là chất độc tồn tại trong Lạc(váng sữa) có thể giết chết người. Sự giết người trong Sanh tô là có các Bồ-tát ở trong giáo đại thừa Phương Đẳng được thấy Phật tánh an trú Đại Niết-Bàn tức nghĩa ấy. Sự giết người trong Thực tô là có các Bồ-tát ở trong giáo Ma-ha-Bát-Nhã được thấy Phật tánh tức nghĩa ấy. Sự giết người ở trong Đề hồ là như trong Niết-bàn nói “hàng Thanh văn độn căn khai phát tuệ nhãn mà được thấy Phật tánh, cho đến hàng Duyên giác độn căn và bảy loại phương tiện Bồ-tát đều nhập vào cứu cánh Niết-bàn” tức thuộc nghĩa ấy. Đây gọi là tướng giáo bất định chứ chẳng phải bộ bất định.

Căn cứ ở Quán môn nói rõ nghĩa giáo: 1. Quán Đốn, viên: từ sơ phát tâm liền quán Thật tướng, tu bốn loại Tam-muội, thực hành tám chánh đạo nên liền ở trong đạo tràng khai phát tri kiến Phật mà đạt

được “Vô sanh nhẫn”. Như trâu ăn cỏ nhẫn liền được vị Đề hồ. Ý này đầy đủ tại Chỉ, Quán v.v...

2. Quán thứ tự từng bậc (Tiệm): từ sơ phát tâm là đỉnh điểm của Viên tu mười hai môn thiền của A-na-ba-na tức là hạnh căn bản. Do vậy nói “phàm phu như sữa và máu lẫn lộn”. Kế đến tu mười sáu pháp thù thắng của sáu môn vi diệu và quán luyện huân, tu v.v... cho đến Tứ đế quán, Đạo phẩm tức là pháp của Thanh văn như sữa trong sạch hiện hành. Kế đến tu quán mười hai duyên tức là Duyên giác như vị Lạc hiện hành. Kế đến tu bốn hoàng thệ nguyện và sáu pháp Ba-la-mật, tức các pháp sự lý của Bồ-tát thuộc Tam tạng và Thông giáo đã thực hành đều như vị Sanh tô hiện hành. Kế đến tu hạnh của Bồ-tát thuộc Biệt giáo đều như Thục tô cho nên nói “Bồ-tát như Thục tô”. Kế đến tu Tự tánh thiền nhập vào tất cả thiền cho đến Thanh tịnh tịnh thiền. Các pháp môn này có thể đưa đến thấy Phật tánh mà trụ vào Đại Niết-bàn. Do chơn thật ứng đầy đủ cho nên gọi là vị Đề hồ hiện hành. Nếu ước định ở cấp độ Bồ-tát mà luận về nghĩa của năm vị giáo thì như trong phần Hành diệu ở trên đã nói và cũng như “Thứ đệ thiền môn” nói. Đó gọi là Quán thứ tự từng bậc.

3. Quán bất định là từ chỗ Phật quá khứ sâu rộng thiền căn và nay tu chứng mười hai môn hoát nhiên khai ngộ đạt được “Vô sanh nhẫn” tức là chất độc ở trong sữa có khả năng giết người. Nếu ngồi chứng quán bất tịnh, chín tướng, mười tướng Bối xả, Thắng xứ quán bốn Thánh đế hữu tác v.v... nhân các thiền định này mà tâm hoát nhiên khai mở, ý hiểu rõ chứng đắc Vô sanh nhẫn tức là chất độc ở trong váng sữa có thể làm chết người. Nếu có người phát khởi bốn hoàng thệ nguyện, tu Lục độ với thể giả nhập vào không, quán Tứ đế Vô sanh hoát nhiên ngộ hiểu đạt được “Vô sanh nhẫn” thì gọi là chất độc có mặt trong Sanh tô có thể làm chết người. Nếu người tu hành “Lục độ”, tu từ “không” ra khỏi “giả”, tu “quán Vô lượng Tứ đế tâm hoát nhiên ngộ được “Vô sanh nhẫn” thì gọi là chất độc trong Thục tô có thể gây chết người. Hoặc có người tọa thiền tu chánh quán thiền trung đạo tự tánh v.v... học bốn Thánh đế vô tác và thực hành bốn loại Tam muội: Pháp Hoa Ban Chu v.v... tâm hoát nhiên ngộ được Vô sanh nhẫn thì đó là sự giết người trong hạnh của Đề hồ. Nay biện minh hai hạnh Tín, Pháp để nói rõ đối với Phật pháp, mỗi hành đều làm đủ ba ý. Trải qua các giáo trình bày trước thì không có một chi tiết nào không khác với quan điểm của các pháp sư. Nếu muốn tu thiền, học đạo thì phải trải qua các quán như đã nêu ra. Vì người Tín hành, Pháp hành nói pháp an tâm thì không có một khoa

nào đồng với các thiền sư của thế gian. Đây chính là lược nhấn mạnh đại ý của giáo, quán tổng quát Phật pháp vậy.

- Dẫn ra ba văn để chứng minh chính là nêu ra văn ở trong phẩm Phương Tiện. Kinh Vô Lượng Nghĩa và phẩm Tín Giải. Phẩm Phương tiện nói “xưa Ta ngồi đạo tràng, xem cây cũng kinh hành, trong hai mươi một ngày, suy nghĩ việc như đây, trí tuệ của Ta được, vì diệu rất thứ nhất, chúng sanh các căn chậm, làm sao có thể độ?... “Ta thì không thuyết pháp, mau vào cõi Niết-bàn”, “liền nhớ Phật quá khứ, thực hành sức phương tiện, Ta nay chứng được đạo cũng nên nói ba thừa. “Xưa Ta ngồi đạo tràng” tức là nêu ra Đốn giáo, vì sao? Vì từ cung trời Đâu Xuất hạ sanh với quyến thuộc Pháp thân như mây dày đặc che phủ mặt trăng mà nhập vào thai mẹ. Thai ấy như hư không thường nói pháp vì diệu, cho đến đạo tràng tịch diệt mới thành chánh giác, vì các Bồ-tát thuần chỉ nói pháp “đại thừa” như mặt trời mới mọc trước hết chiếu soi ở núi cao. Đây chính là nói Phật Thích Ca đầu tiên hết nói Đốn giáo Phẩm Tựa nói: “Phật phóng ánh sáng giữa chặng mây chiếu khắp một vạn tám ngàn cõi nước ở phương Đông khiến đều thấy Thánh chúa sư tử” diễn thuyết kinh pháp vì diệu bậc nhất để dạy các Bồ-tát”. Kế đến nói “nếu người gặp khổ liền vì họ mà nói Niết-Bàn khiến dứt hết tận cùng của các khổ” tức là nêu ra Phật hiện tại trước hết nói Đốn giáo và sau nói Tiệm giáo. Lại nữa Văn Thù giải thích nghi ngờ mà dẫn ra “Phật xưa cũng như vậy”. Lại nói “lại thấy các Như Lai, tự nhiên thành Phật đạo”; “Thế Tôn ở trong chúng, diễn nghĩa pháp thâm sâu”, lại nói “mỗi cõi nước của chư Phật, chúng Thanh văn có vô số” tức là Cổ Phật trước hết nói Đốn giáo và sau nói Tiệm giáo. Lại nữa, ở phương dưới có các Bồ-tát hiện (vọt) ra hỏi thăm Phật và Phật đáp: các chúng sanh như vậy, như vậy để độ, mới thấy thân ta nói liền tin nhận mà nhập vào trí tuệ của Như Lai ngoại trừ người trước đây tu học pháp tiểu thừa, những người như vậy, Ta nay cũng khiến họ được nghe kinh này mà nhập vào trí tuệ của Phật” tức là đức Thích Ca ban đầu nói Đốn giáo và sau nói Tiệm giáo. Như các Đốn giáo ban đầu này thì chưa hẳn thuần dạy cho Pháp thân Bồ-tát mà còn có căn tánh lớn của phàm phu. Điều này có hai nghĩa Người phù hợp với đương thể viên Đốn mà được ngộ tức là vị Đề hồ. Người mới phát tâm, tuy nghe “giáo lớn” mới nhập vào Thập tín là vị giáo đầu tiên có thể sanh các vị sau mà lại ở trong sữa, vì sao? Vì mặc dù nói là Đốn giáo nhưng hoặc tu Thừa, Giới đều nhanh, hoặc tu Giới chậm, Thừa nhanh giống như nghiệp sanh này không do nguyên nhân tự có mà cần phải ứng sanh dẫn vào “bảy xứ” “tám hội”, để căn

cơ đại thừa mới bám vào Phật ví như “cỏ nhẵn nhọc”. Viên giáo ứng với nói Đốn ví như xuất ra vị Đề hồ. Lại Đốn giáo là đầu tiên hết nhập vào Nội phàm nên vẫn gọi là sữa. Nói là sữa tức ý không phải ở tại sự nhạt nhẽo mà vì ban đầu là căn bản như trâu mới sanh thì huyết biến thành sữa, thuần tịnh tại thân khiến trâu ghé uống vào làm lưu xuất sữa. Phật cũng như vậy: xưa ngồi ở đạo tràng mới thành Chánh Giác, máu của vô minh v.v... liền chuyển biến thành “minh” nên tám vạn pháp tạng, mười hai bộ kinh đều đầy đủ ở Pháp thân. Trâu ghé của căn cơ lớn trước hết chiêu cảm mà được sữa và sữa ấy là khởi nguyên của các vị. Ví như Đốn giáo đứng đầu các giáo cho nên lấy Hoa Nghiêm làm sữa mà thôi. Ba giáo phân biệt tức gọi là Đốn giáo, cũng là đề hồ; năm vị giáo phân biệt tức gọi là nhũ giáo. Lại ước định ở tu hành thì căn cơ đại thừa nhận lãnh Đốn giáo tức liền phá vô minh nên được Vô sanh nhẫn hiện hành như vị “Đề hồ. Lại nữa, tuy nhận lãnh Đốn giáo này nhưng chưa thể “ngộ, nhập” chỉ mới bắt đầu lập hạnh cho nên hạnh ấy như sữa. Nếu so với sự tu hành của người căn tánh tiểu thừa thì lại như sữa, vì sao? Vì giáo đại thừa giống như tiểu thừa nghe như cam như điếc vì chẳng phải “phần trí của mình”. Do hành tại địa phàm phu nên hoàn toàn sanh như sữa. Vì nghĩa này cho nên Đốn giáo ở đầu tiên cũng được gọi là đề hồ, cũng gọi là “sữa”. Ý ấy có thể biết.

Kế đến triển khai Tiệm giáo nghĩa là Phật xưa dùng “đại thừa” toan muốn độ chúng sanh nhưng chúng sanh không kham nhận nổi nên Phật mới suy nghĩ tìm kiếm phương tiện. Do vậy ngài đi đến thành Ba-la-nại, đối với đạo một thừa mà phân biệt nói thành ba” tức là triển khai Tam tạng giáo. Điều này chẳng phải Thích Ca ẩn dấu thần đức vô lượng để chỉ tạo ra sự giáo hóa Tiệm giáo mà chư Phật trong quá khứ và hiện tại cũng làm như vậy (như trước đã dẫn giải). Do đó biết được sau khi đầu tiên nói Đốn giáo, tiếp đến khai mở Tiệm giáo. Cho nên, Kinh Niết-bàn nói “từ Phật lưu xuất ra mười hai bộ kinh, từ mười hai bộ kinh lưu xuất ra Tu-đa-la” chính là tương ứng với nghĩa này tương ứng. Ví như từ trâu cho ra sữa, từ sữa cho ra lạc. Thí dụ này không trái với căn cơ của Tiệm giáo nhưng đối với Đốn giáo chưa chuyển hoàn toàn nên vẫn sanh như sữa. Trong Tam tạng giáo, chuyển phàm thành Thánh là dụ cho biến sữa thành váng sữa (lạc) tức “thứ tự cùng sanh” làm thời giáo thứ hai mà không chọn lấy vị đặc, nhạt nhẽo hay kém và hơn làm ví dụ. Văn của phẩm Phương tiện đều nói lên ở nghĩa này.

